

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-3-2023
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bình

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Diệu

Ông Phạm Hiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 28/3/2001.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 9, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Địa chỉ hiện nay: phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Chuang Hao M, sinh ngày 02/9/1980; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan). Nơi cư trú: khóm 21, phường S, thành phố C, huyện B, Đài Loan (vắng mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Chuang Hao M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/8/2019 tại Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08. Sau khi kết hôn, ông Chuang Hao M về Đài Loan sinh sống. Bà T đã chờ ông Chuang Hao M về Việt Nam để tổ chức lễ cưới nhưng không thấy ông Chuang Hao M quay lại Việt Nam, bà đã liên lạc rất nhiều lần cho ông Chuang Hao M và gia đình ông Chuang Hao M nhưng không thể liên lạc được nên tình cảm ngày càng xa cách, bà T dần không còn tình cảm với ông Chuang Hao M. Nay nhận thấy không còn tình cảm với ông Chuang Hao M, mục đích hôn nhân không đạt được, vì

vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Chuang Hao M.

Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Chuang Hao M:

Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục uỷ thác tư pháp theo quy định của pháp luật đến cơ quan có thẩm quyền để tổng đạt cho ông Chuang Hao M các văn bản tố tụng và thu thập ý kiến trình bày của bị đơn ông Chuang Hao M. Tại Công văn số 3193/BTP-PLQT ngày 09/12/2022 của Bộ Tư pháp thông báo về kết quả uỷ thác tư pháp thể hiện cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện việc uỷ thác tư pháp tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Chuang Hao M vào ngày 02/11/2022 bằng phương thức: Chuyển cho người sống chung cùng đương sự. Tuy nhiên, đến nay Tòa án vẫn không nhận được tài liệu, chứng cứ hay văn bản nêu ý kiến của ông Chuang Hao M liên quan đến yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

- Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đầy đủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T, xử cho bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Chuang Hao M; về con chung không có; về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T có hộ khẩu thường trú tại tổ 9, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước yêu cầu ly hôn với ông Chuang Hao M, quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), hiện đang cư trú tại khóm 21, phường S, thành phố C, huyện B, Đài Loan nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước được quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Chuang Hao M đã được Tòa án tiến hành thủ tục uỷ thác tư pháp theo đúng quy định của pháp luật, cơ quan có thẩm quyền cũng đã thực hiện việc

tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Chuang Hao M bằng phương thức chuyển cho người sống chung cùng ông Chuang Hao M, vì vậy, thủ tục tổng đạt cho ông Chuang Hao M là hợp lệ. Tại phiên tòa, ông Chuang Hao M vắng mặt không lý do, đây là phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn ông Chuang Hao M theo quy định tại các điều 227, 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T và bị đơn ông Chuang Hao M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/8/2019 tại UBND huyện C, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08, là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, bà T và ông Chuang Hao M không chung sống cùng nhau, ông Chuang Hao M đã trở về Đài Loan sinh sống từ đó đến nay, không quay lại Việt Nam; bà T đã liên lạc rất nhiều lần cho ông Chuang Hao M và gia đình ông Chuang Hao M nhưng không thể liên lạc được. Xét thấy, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hai bên đã không sống chung với nhau từ khi kết hôn cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Chuang Hao M là có cơ sở nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Chuang Hao M.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng:

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đây là vụ án ly hôn theo yêu cầu của một bên do nguyên đơn khởi kiện nên nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Chi phí uỷ thác tư pháp: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 200.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

Các chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Cẩm T tự nguyện chịu, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Xử cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn bị đơn ông Chuang Hao M.

2. *Về con chung, tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về án phí và các chi phí tố tụng*:

- *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019797 ngày 02/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước (do Nguyễn Thị L nộp thay).

- *Chi phí uỷ thác tư pháp*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019822 ngày 18/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

Do bà Nguyễn Thị Cẩm T chưa nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài đối với bản án nên bà Tiên phải tiếp tục nộp số tiền 200.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

- *Chi phí tố tụng khác*: Bà Nguyễn Thị Cẩm T tự nguyện chịu, không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

4. *Về quyền kháng cáo*:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; bị đơn ông Chuang Hao M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- UBND huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Bình Phước;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bình